

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún cà ri gà (thịt gà, khoai tây, khoai môn, hành tây, sả cây, sữa tươi, ngò rí, ngò gai, hạt cà ri)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá basa kho nước dừa, hành lá
- Canh củ dền, su su nấu tôm tươi, ngò rí
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo hào, đậu xanh, nấm đùi gà, hành lá, ngò rí, rau ngót, hành phi, tỏi phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	100	6,160	6,160
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	6,300	3,150
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0850	Mỡ heo sống	100	10,300	10,300
9	0653	Bún khô	300	4,950	14,850
10	0686	Sữa tươi Vinamilk	220	4,091	9,000
11	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
12	0033	Khoai môn	200	6,410	12,820
13	0037	Khoai tây	200	3,890	7,780
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
15	N0754	Sả cây	50	2,840	1,420
16	N0772	Thịt ức gà	600	12,920	77,520
17	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
18	0436	Cá basa (phi lê)	2,000	13,550	271,000
19	N0795	Củ dền	400	4,940	19,760
20	0180	Su su	400	3,050	12,200
21	0424	Tôm sú	500	30,980	154,900
22	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
23	0059	Đậu xanh	50	7,140	3,570
24	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
25	0729	Hàu	600	21,110	126,660
26	0457	Sữa bột toàn phần	576.08	20,500	118,096

27	0646	Bánh pudding	1,200	11,800	141,600
28	0168	Rau ngót	100	5,780	5,780
Tổng chợ					1,110,001

Tổng tiền thực phẩm	1,110,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,110,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	22,052,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	22,052,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan